

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính  
đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình  
thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của  
Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của  
Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của  
cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của  
Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong  
số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành  
chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 2916/QĐ-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2024 của  
Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc  
phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đủ điều kiện thực hiện  
dịch vụ công trực tuyến toàn trình;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số  
454/TTr-SKHĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư (Chi tiết, có Phụ lục đính kèm).

**Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Công khai, tổ chức thực hiện, hướng dẫn, tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp biết, thực hiện các dịch vụ công trực tuyến toàn trình được công bố tại Điều 1 Quyết định này.

b) Thực hiện rà soát, đánh giá tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông điện tử hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai, tích hợp, cung cấp Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình đã được phê duyệt tại Điều 1 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; hướng dẫn, hỗ trợ trong quá trình thực hiện và kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Minh Hùng**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH**  
**THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  
(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày    tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (52 TTHC)**

| STT      | Mã thủ tục                                              | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                                 | GHI CHÚ |
|----------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>I</b> | <b>LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP</b> |                                                                                                                                        |         |
| 1.       | 2.001610.000.00.00.H23                                  | Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân                                                                                                 |         |
| 2.       | 2.001583.000.00.00.H23                                  | Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên                                                                                          |         |
| 3.       | 2.001199.000.00.00.H23                                  | Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên                                                                                  |         |
| 4.       | 2.002043.000.00.00.H23                                  | Đăng ký thành lập công ty cổ phần                                                                                                      |         |
| 5.       | 2.002042.000.00.00.H23                                  | Đăng ký thành lập công ty hợp danh                                                                                                     |         |
| 6.       | 2.002041.000.00.00.H23                                  | Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) |         |
| 7.       | 1.005169.000.00.00.H23                                  | Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)                           |         |
| 8.       | 2.002011.000.00.00.H23                                  | Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh                                                                                                   |         |
| 9.       | 2.002010.000.00.00.H23                                  | Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần                                        |         |
| 10.      | 2.002009.000.00.00.H23                                  | Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)               |         |
| 11.      | 2.002008.000.00.00.H23                                  | Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên                                                         |         |
| 12.      | 1.005114.000.00.00.H23                                  | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên                                                                 |         |

|     |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
|-----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 13. | 2.002000.000.00.00.H23 | Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
| 14. | 2.001996.000.00.00.H23 | Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |
| 15. | 2.001993.000.00.00.H23 | Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
| 16. | 2.002044.000.00.00.H23 | Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 17. | 2.001992.000.00.00.H23 | Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |
| 18. | 2.001954.000.00.00.H23 | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
| 19. | 2.002069.000.00.00.H23 | Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 20. | 2.002070.000.00.00.H23 | Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
| 21. | 2.002031.000.00.00.H23 | Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương |  |
| 22. | 2.002075.000.00.00.H23 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng                                                                                                                                                                                                                                     |  |

|     |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
|-----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|     |                        | nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |
| 23. | 2.002072.000.00.00.H23 | Thông báo lập địa điểm kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 24. | 2.002045.000.00.00.H23 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |
| 25. | 1.005176.000.00.00.H23 | Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính |  |
| 26. | 1.010026.000.00.00.H23 | Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |
| 27. | 2.002085.000.00.00.H23 | Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
| 28. | 2.002083.000.00.00.H23 | Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
| 29. | 2.002059.000.00.00.H23 | Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |

|     |                        |                                                                                                                                                                                                               |  |
|-----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 30. | 2.002060.000.00.00.H23 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)                                                       |  |
| 31. | 2.002057.000.00.00.H23 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)                                                                                 |  |
| 32. | 2.002034.000.00.00.H23 | Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại                                                                                                                                     |  |
| 33. | 2.002032.000.00.00.H23 | Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần                                                                                                          |  |
| 34. | 2.002033.000.00.00.H23 | Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên                                                                                                |  |
| 35. | 1.010027.000.00.00.H23 | Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên                                                                                                |  |
| 36. | 2.002018.000.00.00.H23 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác                                    |  |
| 37. | 2.002017.000.00.00.H23 | Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế |  |
| 38. | 2.002015.000.00.00.H23 | Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp                                                                                                                                                   |  |
| 39. | 2.002029.000.00.00.H23 | Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)                                                            |  |
| 40. | 2.002023.000.00.00.H23 | Giải thể doanh nghiệp                                                                                                                                                                                         |  |
| 41. | 2.002022.000.00.00.H23 | Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án                                                                                        |  |
| 42. | 2.002020.000.00.00.H23 | Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh                                                                                                                                         |  |

|           |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |
|-----------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 43.       | 2.002016.000.00.00.H23              | Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                            |  |
| 44.       | 2.000368.000.00.00.H23              | Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường                                                                                                                                                                                                                                              |  |
| 45.       | 2.000416.000.00.00.H23              | Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 46.       | 2.000375.000.00.00.H23              | Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội                                                                                                                                                                                                   |  |
| 47.       | 1.010029.000.00.00.H23              | Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp                                                                                                                                                        |  |
| 48.       | 1.010030.000.00.00.H23              | Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh |  |
| 49.       | 1.010031.000.00.00.H23              | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán                                                                                                                               |  |
| 50.       | 1.010010.000.00.00.H23              | Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                 |  |
| 51.       | 1.010023.000.00.00.H23              | Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp                                                                                                                                                                                                                                       |  |
| <b>II</b> | <b>LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |
| 1.        | 1.009664.000.00.00.H23              | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư                                                                                                                                                                                              |  |

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (31 TTHC)**

| <b>STT</b> | <b>Mã thủ tục</b>                                                              | <b>TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>                                                                                                                                            | <b>GHI CHÚ</b> |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>I</b>   | <b>LĨNH VỰC THÀNH LẬP HỘ KINH DOANH</b>                                        |                                                                                                                                                                          |                |
| 1.         | 1.001612.000.00.00.H23                                                         | Đăng ký thành lập hộ kinh doanh                                                                                                                                          |                |
| 2.         | 2.000720.000.00.00.H23                                                         | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh                                                                                                                          |                |
| 3.         | 1.001570.000.00.00.H23                                                         | Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh                                                                                  |                |
| 4.         | 1.001266.000.00.00.H23                                                         | Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh                                                                                                                                         |                |
| 5.         | 2.000575.000.00.00.H23                                                         | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh                                                                                                                            |                |
| <b>II</b>  | <b>THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ</b> |                                                                                                                                                                          |                |
| 1.         | 1.005280.000.00.00.H23                                                         | Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất    |                |
| 2.         | 2.002123.000.00.00.H23                                                         | Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh                                                                                           |                |
| 3.         | 1.005277                                                                       | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập |                |
| 4.         | 1.004901.000.00.00.H23                                                         | Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                                                         |                |



|     |                        |                                                                                                                                                                                                                            |  |
|-----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 5.  | 1.004979.000.00.00.H23 | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập                                                  |  |
| 6.  | 2.001958.000.00.00.H23 | Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                                                                                              |  |
| 7.  | 1.005378.000.00.00.H23 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;                                                                                   |  |
| 8.  | 1.005377.000.00.00.H23 | Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh                                                                   |  |
| 9.  | 2.001973.000.00.00.H23 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                              |  |
| 10. | 1.004982.000.00.00.H23 | Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                                                                                                                          |  |
| 11. | 1.005010.000.00.00.H23 | Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                                                                 |  |
| 12. | 2.002635.H23           | Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp                            |  |
| 13. | 2.002636.H23           | Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo |  |

|     |              |                                                                                                                                                                                                                           |  |
|-----|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 14. | 2.002637.H23 | Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023 |  |
| 15. | 2.002638.H23 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy                                                                                                                                    |  |
| 16. | 2.002639.H23 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác                                                                                                                                                                              |  |
| 17. | 2.002640.H23 | Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác                                                                                                                                                                 |  |
| 18. | 2.002641.H23 | Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác                                                                                                                                            |  |
| 19. | 2.002642.H23 | Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác                                                                                                                                                                                             |  |
| 20. | 2.002643.H23 | Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                                                                                                           |  |
| 21. | 2.002644.H23 | Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác                                                                                                                                                                                 |  |
| 22. | 2.002645.H23 | Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                                                                                                          |  |
| 23. | 2.002646.H23 | Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài                                                                                                                                                                  |  |
| 24. | 2.002648.H23 | Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                                                                                           |  |
| 25. | 2.002649.H23 | Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                                                                                |  |
| 26. | 2.002650.H23 | Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                                    |  |